

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/ DS-ST

Ngày: 14/5/2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Thị Thanh Thúy;

2/ Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2017/ TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V (VPB FC).

Trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Ree, số 9, Đoàn Văn Bơ, phường M, Quận BO, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G– Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Ông G ủy quyền cho ông Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ – Khối quản trị rủi ro – Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V (VPB FC) theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2017.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Dương Hồng H**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: số 33/6 đường Mậu Thân, phường B, thành phố V, tỉnh VL tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2017.

Bị đơn: Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà 2A, ấp NN, xã NT, thành phố B,tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, bản tự khai ngày 09/3/2018 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn ông H trình bày như sau:*

Vào ngày 10/11/2015 bà Huỳnh Thị Thúy N có ký hợp đồng tín dụng số 20151114-500000-0025 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V (Công ty) để vay số tiền 15.825.000đ (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) trong đó bà N nhận số tiền 15.000.000đ, còn 825.000đ tiền bà N mua bảo hiểm tiền vay, lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, theo thỏa thuận bà N phải có trách nhiệm trả cho công ty số tiền 24.270.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) gồm tiền vốn và lãi suất, hình thức trả chậm trong thời hạn 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.012.000đ, tháng cuối cùng trả 994.000đ (Chín trăm chín mươi bốn ngàn đồng), thời gian trả bắt đầu vào ngày 16/12/2015 cho đến khi 16/12/2017 là hoàn tất nợ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã nhận đủ tiền do công ty giao và đã thanh toán cho công ty 3 kỳ với tổng số tiền là 3.036.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng), tiếp đó ngày 04/5/2018 bà N trả thêm được số tiền 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm ngàn đồng), tổng cộng là 12.636.000đ hiện còn nợ là 11.634.000đ nhưng do quá trình tính toán có sự sai số nên Ngân hàng chỉ yêu cầu bà N trả số tiền 11.526.606đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Do bà N chậm thanh toán với công ty nên công ty yêu cầu bà N trả cho công ty số tiền 11.526.606đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

** Tại bản tự khai ngày 16/4/2018 và tại phiên tòa ngày 02/4/2018 bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy N trình bày như sau:*

Vào tháng 11/2015 bà có vay của Công ty số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để cho chi của bà trị bệnh, bà không nhớ lãi suất vay, thời hạn 2 năm hình thức trả dần số tiền và nhận đúng 15.000.000đ, còn số tiền 825.000đ là tiền mua bảo hiểm tiền vay. Mỗi tháng trả 1.012.000đ, bà trả được 3 lần với số tiền 3.036.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng). Nay bà đồng ý số tiền cho Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng xin trả dần mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V yêu

cầu bà Huỳnh Thị Thúy N trả tiền vay, từ đó có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Bà N có đăng ký hộ khẩu và tại thời điểm vay bà N đang sinh sống tại số nhà 2A, ấp NN, xã NT, thành phố B, tỉnh BT nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

- *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Tại phiên tòa hôm nay Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà N trả tiền vốn vay, lãi còn nợ theo hợp đồng đã ký kết là 11.526.606đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 10/11/2015 thì bà N có đề nghị vay tiền của Công ty với số tiền vay là 15.825.000đ (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng), lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, theo thỏa thuận bà N phải có trách nhiệm trả cho công ty số tiền 24.270.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) gồm tiền vốn và lãi suất, hình thức trả chậm trong thời hạn 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.012.000đ, tháng cuối cùng trả 994.000đ (Chín trăm chín mươi bốn ngàn đồng), thời gian trả bắt đầu vào ngày 16/12/2015 cho đến ngày 16/12/2017 là hoàn tất nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N trả cho công ty tổng số tiền là 12.636.000đ, còn nợ là 12.634.000đ, tại phiên tòa Ngân hàng chỉ yêu cầu bà N trả số tiền 11.526.606đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Tại bản tự khai và tại phiên tòa ngày 02/4/2018 bà N thừa nhận lời trình bày của phía đại diện Công ty là đúng, bà đồng ý trả nợ cho Công ty theo yêu cầu nhưng xin trả dần 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) 1 tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào hồ sơ vụ án, trình bày của phía Công ty và bà N cũng thừa nhận hiện bà N còn nợ tiền của Ngân hàng. Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, xác định được bà N đã có ký kết hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Công ty và còn nợ Công ty số tiền vốn, lãi như Công ty trình bày là có thật.

Qua lời thừa nhận của bà N và hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 10/11/2015 cho thấy bà N đã nhận đầy đủ tiền do Công ty giao, bà đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thanh toán đủ tiền nợ vốn và tiền lãi suất khi đến

hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay được 2 bên ký kết theo hợp đồng. Vì vậy công ty yêu cầu bà N trả nợ vốn và lãi là 11.526.606đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng) là có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên được xem xét và chấp nhận.

Bà N yêu cầu trả mỗi tháng là 800.000đ, phía Công ty không đồng ý với cách trả này, do đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Về lãi suất: Công ty không yêu cầu bà N trả lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do bà N là người phải trả nợ cho công ty nên bà N phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: $11.526.606đ \times 5\% = 576.330đ$ (Năm trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi đồng).

Do yêu cầu của công ty được xem xét chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho công ty theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466; 344 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với bà Huỳnh Thị Thúy N.

2/ Buộc bà Huỳnh Thị Thúy N phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền 11.526.606đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Ghi nhận Công ty không yêu cầu bà N trả lãi suất.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Huỳnh Thị Thúy N phải nộp án phí là 576.330đ (Năm trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 481.000đ (Bốn trăm tám mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013923 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4/ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, bà N được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu